

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220025	Lương Ngọc Kim	Anh	Nữ	11/01/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.75	9.30	9.75	27.80	10A1	TN1
2	220039	Nguyễn Thị Kim	Anh	Nữ	07/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	7.00	6.75	21.00	10A1	TN1
3	220046	Nông Hà Hải	Anh	Nữ	01/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THPT Thanh Tuyển	2025	22	24	8.25	3.60	9.00	20.85	10A1	TN1
4	220012	Đào Thụy Trâm	Anh	Nữ	07/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.50	5.80	7.25	20.55	10A1	TN1
5	220032	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	Nữ	03/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.40	5.75	17.40	10A1	TN1
6	220027	Nguyễn Hoài	Anh	Nữ	10/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	8.00	3.20	5.75	16.95	10A1	TN1
7	220058	Khru Ngọc	Ánh	Nữ	24/02/2010	An Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.25	4.20	5.75	16.20	10A1	TN1
8	220078	Trần Quốc	Bảo	Nam	29/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	8.70	8.50	24.20	10A1	TN1
9	220077	Trần Nguyên	Bảo	Nam	12/10/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22		6.00	5.60	8.00	19.60	10A1	TN1
10	220084	Đinh Thị Ngọc	Bích	Nữ	17/12/2010	Đồng Nai	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	22	23	6.50	4.20	6.25	16.95	10A1	TN1
11	220086	Phạm Minh	Bình	Nam	19/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	25	6.50	5.00	6.55	18.05	10A1	TN1
12	220097	Nguyễn Trọng	Cường	Nam	27/10/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.75	4.80	7.75	20.30	10A1	TN1
13	220151	Trần Tiến	Đạt	Nam	06/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	4.00	8.50	20.00	10A1	TN1
14	220126	Trần Anh	Duy	Nam	26/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.50	5.00	7.75	19.25	10A1	TN1
15	220185	Phạm Gia	Hân	Nam	10/01/2010	Nam Định	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.00	4.80	7.75	18.55	10A1	TN1
16	220215	Nguyễn Văn Mạnh	Hùng	Nam	07/02/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Phú	2025	22	24	7.00	3.40	8.00	18.40	10A1	TN1
17	220230	Nguyễn Hoàng Gia	Huyền	Nữ	09/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	7.80	7.25	23.05	10A1	TN1
18	220246	Lê Nguyên	Khang	Nam	16/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	8.90	7.25	23.90	10A1	TN1
19	220249	Nguyễn Anh	Khang	Nam	19/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.00	4.50	8.25	18.75	10A1	TN1
20	220276	Nguyễn Gia	Kỳ	Nam	04/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.80	7.25	17.80	10A1	TN1
21	220302	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	05/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	5.10	9.50	21.85	10A1	TN1
22	220309	Nguyễn Thành	Luân	Nam	15/10/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.25	4.80	7.00	18.05	10A1	TN1
23	210486	Trần Thái	Nam	Nam	09/02/2010	Nam Định	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	6.25	3.80	6.75	16.80	10A1	TN1
24	220343	Đoàn Thị Thúy	Ngân	Nữ	23/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	2.80	7.00	16.80	10A1	TN1
25	220356	Hoàng Tiểu	Ngọc	Nữ	14/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	6.90	8.75	22.65	10A1	TN1
26	220368	Son Thị Thảo	Nguyên	Nữ	11/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	3.40	4.85	17.25	10A1	TN1
27	220382	Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	13/01/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	3.20	6.25	17.20	10A1	TN1
28	220409	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	10/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	8.10	7.50	23.10	10A1	TN1
29	210613	Trần Gia	Phát	Nam	16/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	6.25	3.40	7.75	17.40	10A1	TN1
30	040646	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	18/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	6.75	3.00	6.75	16.50	10A1	TN1
31	220429	Nguyễn Gia	Phú	Nam	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	7.10	7.00	21.85	10A1	TN1
32	220428	Đỗ Hoàng	Phú	Nam	09/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	4.00	6.75	18.75	10A1	TN1
33	220439	Phan Nam	Phuong	Nữ	08/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	5.30	6.25	18.30	10A1	TN1
34	220444	Đặng Lệ	Quân	Nữ	16/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	3.00	5.50	16.25	10A1	TN1
35	220449	Đỗ Ngọc Kiều	Quyên	Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	4.00	6.00	16.50	10A1	TN1
36	220506	Phạm Minh	Thư	Nữ	10/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	3.00	8.25	19.25	10A1	TN1
37	220549	Nguyễn Bảo	Trâm	Nữ	06/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.25	4.80	7.50	20.55	10A1	TN1
38	220542	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	27/10/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	6.60	8.25	22.60	10A1	TN1
39	220546	Trịnh Thị Mai	Trang	Nữ	27/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	4.30	6.75	18.55	10A1	TN1
40	220563	Huỳnh Hoàng	Triều	Nam	26/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	17	6.75	4.40	8.50	19.65	10A1	TN1
41	220610	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	11/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	3.60	6.50	17.85	10A1	TN1

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220003	Hà Triệu Thanh	An	Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	6.40	6.75	21.90	10A2	TN1
2	220045	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	20/05/2010	Hải Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	23	7.50	9.00	7.25	23.75	10A2	TN1
3	220024	Lê Tuấn	Anh	Nam	11/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	5.70	7.75	21.20	10A2	TN1
4	220050	Thái Kim	Anh	Nữ	13/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.50	6.60	6.75	20.85	10A2	TN1
5	220055	Võ Quỳnh	Anh	Nữ	20/06/2010	Tiền Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.30	7.25	18.80	10A2	TN1
6	220035	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	02/01/2010	Vĩnh Phúc	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.25	3.80	7.50	18.55	10A2	TN1
7	220044	Nguyễn Trần Thế Anh		Nam	02/10/2010	An Giang	Trường THCS Bình Phú	2025	22	17	7.25	2.80	6.50	16.55	10A2	TN1
8	220073	Nguyễn Trường Gia Bảo		Nam	11/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	5.50	4.40	7.75	17.65	10A2	TN1
9	220099	Dương Thành	Danh	Nam	07/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	3.20	7.25	17.95	10A2	TN1
10	220133	Dương Hoàng	Dương	Nam	31/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	3.40	7.50	18.40	10A2	TN1
11	220125	Phạm Thành	Duy	Nam	11/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	4.00	7.75	19.25	10A2	TN1
12	220186	Phạm Thị Ngọc	Hân	Nữ	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	7.50	7.50	22.50	10A2	TN1
13	220184	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	13/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	6.10	6.00	19.60	10A2	TN1
14	220187	Võ Ngọc	Hân	Nữ	15/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	5.75	3.70	7.50	16.95	10A2	TN1
15	220177	Hồ Diễm	Hằng	Nữ	08/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	4.10	8.50	20.60	10A2	TN1
16	220197	Lê Văn	Hiếu	Nam	01/07/2010	Đắk Nông	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	3.60	7.00	18.60	10A2	TN1
17	220214	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	22/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.20	7.25	16.95	10A2	TN1
18	220239	Cù Nguyễn Quỳnh Hương		Nữ	19/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.50	7.70	8.50	24.70	10A2	TN1
19	220244	Đỗ Tuấn	Kha	Nam	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.20	8.50	19.95	10A2	TN1
20	220248	Mai Hoàng	Khang	Nam	03/09/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.20	7.75	19.20	10A2	TN1
21	080378	Phạm Lê Đăng	Khoa	Nam	31/01/2010	Bình Thuận	Trường THCS Bình Chuẩn	2025	08	22	7.00	3.60	6.25	16.85	10A2	TN1
22	210366	Bùi Ngọc	Khương	Nữ	09/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	7.25	3.40	6.50	17.15	10A2	TN1
23	220283	Phạm Đức Minh	Lâm	Nam	04/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	7.30	8.25	23.05	10A2	TN1
24	220296	Trần Ngọc	Linh	Nữ	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.00	4.20	6.10	17.30	10A2	TN1
25	220310	Trần Sĩ	Luân	Nam	02/01/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.25	3.00	7.55	17.80	10A2	TN1
26	220312	Nguyễn Lương Gia Lượng		Nam	18/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	3.60	7.25	17.85	10A2	TN1
27	220327	Nguyễn Thị Kiều My		Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.25	5.70	7.75	19.70	10A2	TN1
28	220349	Nguyễn Ngọc Gia Nghi		Nữ	25/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	7.40	7.50	22.65	10A2	TN1
29	220353	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	17/06/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	2.80	7.00	16.80	10A2	TN1
30	220355	Đặng Hồng	Ngọc	Nữ	27/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	7.10	8.50	23.35	10A2	TN1
31	220363	Nguyễn Thị Minh Ngọc		Nữ	04/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	7.30	7.25	21.80	10A2	TN1
32	220391	Võ Thảo	Nhi	Nữ	10/04/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.75	4.00	8.00	18.75	10A2	TN1
33	220465	Lê Văn	Tâm	Nam	20/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.75	3.20	6.25	16.20	10A2	TN1
34	220472	Trần Thị Phương Thanh		Nữ	05/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Lập	2025	22	24	7.00	4.40	6.00	17.40	10A2	TN1
35	220484	Cao Lê Thái	Thịnh	Nam	10/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	22	23	5.75	6.80	7.75	20.30	10A2	TN1
36	220498	Đoàn Huỳnh Anh Thư		Nữ	03/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.50	8.90	10.00	27.40	10A2	TN1
37	220492	Võ Thiên	Thuận	Nam	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	6.00	7.25	20.50	10A2	TN1
38	220521	Lê Ngọc	Tiên	Nữ	14/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	4.80	6.50	18.30	10A2	TN1
39	220533	Trương Minh	Tính	Nam	03/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.00	6.50	16.25	10A2	TN1
40	220552	Trương Thị Quế Trâm		Nữ	28/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	2.40	7.75	18.15	10A2	TN1
41	040991	Trần Kiều	Vy	Nữ	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	2025	04	22	6.50	3.40	6.50	16.40	10A2	TN1

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220036	Nguyễn Tâm	Anh	Nữ	21/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	6.10	6.75	20.60	10A3	TN1
2	220041	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	09/02/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Phú	2025	22	17	7.75	3.00	7.00	17.75	10A3	TN1
3	220022	Lê Hải	Anh	Nam	15/04/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	3.20	6.25	16.70	10A3	TN1
4	220067	Lê Huỳnh Gia	Bảo	Nam	10/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	4.00	6.75	18.50	10A3	TN1
5	220065	Lê Gia	Bảo	Nam	08/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	5.75	4.60	6.00	16.35	10A3	TN1
6	210100	Đào Nhựt	Biên	Nam	26/06/2009	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	7.25	3.30	6.75	17.30	10A3	TN1
7	220087	Trần Quang	Bình	Nam	22/06/2010	Thái Bình	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	5.00	4.60	7.25	16.85	10A3	TN1
8	220090	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	30/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	8.40	7.75	23.65	10A3	TN1
9	220103	Nguyễn Thế	Dân	Nam	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	28	7.00	9.10	9.75	25.85	10A3	TN1
10	220152	Trịnh Tất	Đạt	Nam	16/02/2010	Quảng Nam	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	4.80	8.25	19.55	10A3	TN1
11	220118	Vũ Mạnh	Dũng	Nam	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.50	5.40	6.35	18.25	10A3	TN1
12	220137	Nguyễn Đại	Dương	Nam	09/12/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	4.90	7.25	19.90	10A3	TN1
13	220136	Lê Thị Thùy	Dương	Nữ	30/09/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.20	6.50	17.95	10A3	TN1
14	210160	Hoàng Văn Tùng	Dương	Nam	01/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	9	21	22	5.25	5.80	5.85	16.90	10A3	TN1
15	220119	Cao Bảo	Duy	Nam	14/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	6.70	7.00	20.45	10A3	TN1
16	220165	Thạch Thị Kim	Hà	Nữ	14/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.20	7.50	18.20	10A3	TN1
17	220178	Huỳnh Thanh	Hằng	Nữ	21/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	6.00	8.75	22.75	10A3	TN1
18	220196	Đỗ Viết Trung	Hiếu	Nam	22/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.50	3.90	6.50	17.90	10A3	TN1
19	210292	Phùng Nhựt	Huy	Nam	04/03/2010	Kiên Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	7.00	3.00	7.00	17.00	10A3	TN1
20	220260	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	27/02/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	8.00	4.40	6.05	18.45	10A3	TN1
21	220265	Nguyễn Hà Anh	Khôi	Nam	15/04/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	6.80	7.00	20.80	10A3	TN1
22	220279	Liêu Mộc	Lan	Nữ	23/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	8.10	7.75	24.85	10A3	TN1
23	220314	Trịnh Khánh	Ly	Nữ	09/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	5.70	8.25	21.45	10A3	TN1
24	220315	Đỗ Nguyễn Linh	Mai	Nữ	19/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.00	3.20	6.50	17.70	10A3	TN1
25	220323	Lê Trương Nhật	Minh	Nam	12/12/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	5.20	7.00	19.45	10A3	TN1
26	210467	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	06/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	5.75	2.80	7.75	16.30	10A3	TN1
27	220337	Nguyễn Văn	Nam	Nam	16/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.00	8.50	19.75	10A3	TN1
28	220357	Huỳnh Thanh	Ngọc	Nữ	20/10/2010	Cà Mau	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	7.80	6.75	23.05	10A3	TN1
29	220360	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	11/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	7.00	7.25	22.00	10A3	TN1
30	220365	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	18/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	7.30	7.25	21.80	10A3	TN1
31	220424	Trần Đình Hạo	Phong	Nam	09/10/2010	Hải Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	5.40	6.75	19.15	10A3	TN1
32	220433	Võ Minh	Phúc	Nam	06/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	6.60	5.75	18.85	10A3	TN1
33	220442	Lưu Nhật	Quang	Nam	14/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.75	4.00	7.00	18.75	10A3	TN1
34	210663	Hồ Huy	Quốc	Nam	12/08/2010	Phú Yên	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	6.00	3.60	7.75	17.35	10A3	TN1
35	220462	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	25/02/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	4.10	5.75	16.60	10A3	TN1
36	210761	Trần Phạm Minh	Thư	Nữ	11/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.75	4.80	5.60	17.15	10A3	TN1
37	220538	Đặng Nguyễn Ngọc	Trà	Nữ	07/12/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.75	2.80	7.10	18.65	10A3	TN1
38	220556	Nông Thị Kim	Trần	Nữ	03/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	6.90	8.00	22.40	10A3	TN1
39	220544	Trịnh Lâm Thuý	Trang	Nữ	11/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	8.60	7.25	23.35	10A3	TN1
40	220570	Ngô Nhã	Trúc	Nữ	19/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	4.20	8.50	20.45	10A3	TN1

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220001	Lê Khả	Ái	Nữ	01/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	6.20	6.25	21.45	10A4	TN1
2	220043	Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	11/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	04	7.50	7.20	8.75	23.45	10A4	TN1
3	220028	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	02/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	3.20	7.25	17.70	10A4	TN1
4	220074	Phạm Gia	Bảo	Nam	29/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.00	7.10	6.75	19.85	10A4	TN1
5	220076	Trần Huỳnh Gia	Bảo	Nam	21/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	4.20	7.75	18.70	10A4	TN1
6	220114	Nguyễn Hùng	Dũng	Nam	18/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	7.30	7.00	21.55	10A4	TN1
7	220123	Nguyễn Hữu	Duy	Nam	20/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.75	5.20	6.50	18.45	10A4	TN1
8	220131	Cao Nguyễn Kỳ	Duyên	Nữ	26/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.00	7.75	19.00	10A4	TN1
9	220164	Nguyễn Thị Khánh	Hà	Nữ	11/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.25	3.20	7.25	16.70	10A4	TN1
10	220189	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	12/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	4.00	6.50	18.25	10A4	TN1
11	220204	Nguyễn Trần Quốc	Hòa	Nam	01/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.50	2.60	7.25	16.35	10A4	TN1
12	010231	Nguyễn Chấn	Hung	Nam	04/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	9.30	7.50	23.55	10A4	TN1
13	210284	Nguyễn Lê Bảo	Huy	Nam	14/06/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Mỹ Thanh	2025	21	22	6.50	2.40	8.00	16.90	10A4	TN1
14	220232	Trần Khánh	Huyền	Nữ	19/01/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.20	8.00	17.95	10A4	TN1
15	220242	Lê Minh	Hy	Nam	21/11/2010	Bến Tre	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	3.20	7.75	18.70	10A4	TN1
16	220245	Dương Bảo	Khang	Nam	09/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	5.50	7.50	19.50	10A4	TN1
17	210327	Nguyễn Chấn	Khang	Nam	13/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	6.25	3.40	7.00	16.65	10A4	TN1
18	210378	Thái Anh	Kiệt	Nam	11/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	7.25	3.80	6.25	17.30	10A4	TN1
19	220278	Danh Bùi Tường	Lam	Nữ	15/12/2009	Hậu Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	3.40	7.60	19.50	10A4	TN1
20	220307	Nguyễn Bảo	Luân	Nam	04/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	4.00	6.75	18.50	10A4	TN1
21	220313	Bùi Thị Khánh	Ly	Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	23	8.00	6.90	7.00	22.90	10A4	TN1
22	220348	Lữ Gia	Nghi	Nữ	18/05/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.25	7.00	9.25	25.50	10A4	TN1
23	220359	Ngô Như	Ngọc	Nữ	25/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	2.40	7.25	16.90	10A4	TN1
24	220378	Lưu Văn Yên	Nhi	Nữ	02/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	9.40	8.00	25.40	10A4	TN1
25	220388	Trịnh Thị Yên	Nhi	Nữ	27/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	6.40	9.50	22.90	10A4	TN1
26	220385	Phan Thị Yên	Nhi	Nữ	09/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	5.70	7.25	20.45	10A4	TN1
27	220418	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	24/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	2.80	7.25	17.30	10A4	TN1
28	220426	Trần Thành	Phổ	Nam	28/01/2010	Kiên Giang	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.25	3.60	9.00	19.85	10A4	TN1
29	220450	Lê Diễm	Quỳnh	Nữ	11/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.25	6.80	7.25	22.30	10A4	TN1
30	220452	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	30/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	4.20	6.00	17.95	10A4	TN1
31	210705	Trần Chí	Thành	Nam	27/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	7.25	3.00	6.10	16.35	10A4	TN1
32	220513	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	22/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	7.00	7.25	22.25	10A4	TN1
33	220517	Phạm Quỳnh	Thy	Nữ	13/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	4.00	8.75	20.75	10A4	TN1
34	220518	Phạm Thị Bảo	Thy	Nữ	16/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.40	7.25	18.90	10A4	TN1
35	220532	Hồ Văn	Tính	Nam	26/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	5.80	7.25	20.80	10A4	TN1
36	220545	Trịnh Thị Huyền	Trang	Nữ	02/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	3.20	9.25	20.45	10A4	TN1
37	210784	Lưu Thị Uyên	Trang	Nữ	25/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	5.75	4.00	6.25	17.00	10A4	TN1
38	220565	Nguyễn Việt	Trình	Nữ	12/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.50	3.00	8.25	17.75	10A4	TN1
39	220567	Trương Ngọc Bảo	Trình	Nữ	10/03/2010	Quảng Trị	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.60	7.00	17.10	10A4	TN1
40	220621	Võ Ngọc Kim	Xuyến	Nữ	02/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.75	4.00	5.50	18.25	10A4	TN1

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220031	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	16/07/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.50	4.00	6.75	19.25	10A5	TN2
2	220020	Huỳnh Lê Lan	Anh	Nữ	19/09/2010	Tây Ninh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	3.20	5.10	15.55	10A5	TN2
3	210076	Nguyễn Bằng Thái	Bảo	Nam	08/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	6.00	4.20	6.25	17.45	10A5	TN2
4	220075	Thái Gia	Bảo	Nam	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	5.75	3.40	7.00	16.15	10A5	TN2
5	220095	Đặng Kim	Cương	Nữ	26/04/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.25	2.80	5.80	15.85	10A5	TN2
6	220153	Nguyễn Hải	Đặng	Nam	26/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.80	8.00	20.05	10A5	TN2
7	220139	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	03/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	6.70	7.75	21.45	10A5	TN2
8	220138	Nguyễn Đặng Ánh	Dương	Nữ	04/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.00	2.60	6.50	17.10	10A5	TN2
9	220161	Hồ Ngọc	Hà	Nữ	02/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	3.90	6.85	18.25	10A5	TN2
10	220176	Đào Thị Thuý	Hằng	Nữ	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	7.30	8.25	23.55	10A5	TN2
11	220201	Trịnh Quốc	Hiếu	Nam	11/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	2.40	8.00	16.90	10A5	TN2
12	220205	Nguyễn Huy	Hoàn	Nam	17/04/2010	Ninh Bình	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.20	7.50	17.45	10A5	TN2
13	220212	Đào Lợi	Hợp	Nam	22/10/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.75	2.60	6.75	16.10	10A5	TN2
14	210326	Lê Nguyễn Gia	Khang	Nam	15/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	6.75	2.40	7.00	16.15	10A5	TN2
15	220292	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	04/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.75	4.20	7.00	17.95	10A5	TN2
16	220290	Ngô Diệu	Linh	Nữ	29/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.00	3.40	8.50	17.90	10A5	TN2
17	040416	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	05/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	7.00	2.60	6.00	15.60	10A5	TN2
18	220303	Nguyễn Phi	Long	Nam	23/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	22	17	6.25	5.70	7.25	19.20	10A5	TN2
19	210448	Trịnh Kiều	Lý	Nữ	27/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.00	2.80	7.00	15.80	10A5	TN2
20	040452	Trần Minh	Mẫn	Nam	24/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	2025	04	22	6.00	3.20	6.50	15.70	10A5	TN2
21	220332	Võ Thị Kiều	My	Nữ	25/12/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.25	3.40	5.85	15.50	10A5	TN2
22	220375	Đặng Nguyễn Ngọc	Nhi	Nữ	09/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.25	3.40	6.35	17.00	10A5	TN2
23	220379	Ngô Thị Yến	Nhi	Nữ	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.00	2.40	5.25	16.65	10A5	TN2
24	040591	Nguyễn Cao Yến	Nhi	Nữ	05/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	6.75	3.20	6.50	16.45	10A5	TN2
25	220377	Hồ Thị Ngọc	Nhi	Nữ	07/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	04	6.25	3.00	6.75	16.00	10A5	TN2
26	220401	Nguyễn Huỳnh Lâm	Như	Nữ	03/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	6.40	7.00	20.15	10A5	TN2
27	220410	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	13/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.75	3.60	7.50	18.85	10A5	TN2
28	220396	Đặng Thị Huỳnh	Như	Nữ	13/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	2.60	7.75	17.35	10A5	TN2
29	220421	Lê Trường	Phát	Nam	01/10/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	2.20	6.75	15.95	10A5	TN2
30	220435	Đỗ Nguyễn Thanh	Phước	Nam	22/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	21	6.75	3.00	5.65	15.40	10A5	TN2
31	040692	Ngô Lan	Phương	Nữ	21/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Định Hòa	2025	04	22	7.00	3.60	5.00	15.60	10A5	TN2
32	210713	Trương Thanh	Thảo	Nữ	19/09/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.75	2.60	7.25	16.60	10A5	TN2
33	220486	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	06/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.80	7.00	18.30	10A5	TN2
34	220520	Trần Bảo	Thy	Nữ	21/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	21	6.75	2.20	6.50	15.45	10A5	TN2
35	220523	Nguyễn Thùy	Tiên	Nữ	02/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.75	5.30	6.75	18.80	10A5	TN2
36	220550	Nguyễn Quỳnh	Trâm	Nữ	19/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	7.20	6.50	21.20	10A5	TN2
37	220569	Huỳnh Kim	Trúc	Nữ	19/09/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	2.00	6.50	16.00	10A5	TN2
38	220585	Ngô Thị Mỹ	Tuyền	Nữ	24/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	2.80	6.00	17.30	10A5	TN2
39	220588	Lê Trần Ngọc	Tuyết	Nữ	23/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	3.40	6.50	17.15	10A5	TN2
40	040941	Nguyễn Thụy Ngọc	Vân	Nữ	30/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	2025	04	22	7.00	2.60	6.50	16.10	10A5	TN2
41	220600	Dương Ngọc Tường	Vy	Nữ	11/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.50	4.40	5.60	16.50	10A5	TN2

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220005	Lương Hoài Bảo	An	Nam	16/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.75	1.60	7.00	15.35	10A6	TN2
2	220042	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	24/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	3.80	8.00	19.80	10A6	TN2
3	220052	Trần Ngọc Trâm	Anh	Nữ	14/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	17	6.25	7.40	5.40	19.05	10A6	TN2
4	220038	Nguyễn Thế	Anh	Nam	01/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	2.80	6.75	16.05	10A6	TN2
5	220068	Lê Huỳnh Tôn	Bảo	Nam	25/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.00	4.60	8.25	18.85	10A6	TN2
6	220071	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	31/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.50	4.20	7.75	18.45	10A6	TN2
7	210078	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	20/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	7.75	2.60	7.00	17.35	10A6	TN2
8	210132	Đoàn Thị Mỹ	Dung	Nữ	21/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	7.50	3.20	6.50	17.20	10A6	TN2
9	220166	Trần Ngọc	Hà	Nữ	21/02/2010	Đồng Nai	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.25	3.40	5.35	16.00	10A6	TN2
10	220168	Nguyễn Khắc Hoàng	Hải	Nam	18/06/2010	Quảng Ninh	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.50	6.20	7.50	20.20	10A6	TN2
11	220179	Phạm Thanh	Hằng	Nữ	04/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	0	22	24	7.00	4.20	6.85	18.05	10A6	TN2
12	220194	Ngô Hoàng	Hiệp	Nam	22/12/2009	Tiền Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.80	8.00	18.30	10A6	TN2
13	220200	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	14/09/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.00	8.00	19.25	10A6	TN2
14	040326	Trần Thu	Hương	Nữ	12/11/2009	Bắc Giang	Trường THCS Hòa Phú	2025	04	22	6.50	2.60	6.75	15.85	10A6	TN2
15	220227	Thái Mỹ	Huyền	Nữ	08/08/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.00	2.20	7.75	15.95	10A6	TN2
16	220262	Nguyễn Duy Anh	Khoa	Nam	05/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	2.60	5.75	15.60	10A6	TN2
17	220320	Phạm Quỳnh Gia	Mẫn	Nữ	21/09/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.00	2.20	6.25	15.45	10A6	TN2
18	220339	Trần Nhật	Nam	Nam	12/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.00	3.00	6.50	15.50	10A6	TN2
19	220350	Phạm Xuân	Nghi	Nữ	10/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.00	2.80	7.00	15.80	10A6	TN2
20	220367	Đặng Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	05/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.25	7.70	7.50	23.45	10A6	TN2
21	220383	Phạm Thiên	Nhi	Nữ	21/06/2010	Vĩnh Phúc	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.00	2.80	5.85	15.65	10A6	TN2
22	220404	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	12/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	3.60	6.50	17.60	10A6	TN2
23	220395	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/04/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	3.60	6.00	17.10	10A6	TN2
24	210601	Cù Huy	Phát	Nam	12/04/2010	Sóc Trăng	Trường THCS An Điền	2025	21	22	6.25	2.80	7.75	16.80	10A6	TN2
25	220434	Trương Ngọc Y	Phụng	Nữ	11/05/2010	Kiên Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.50	3.20	6.75	17.45	10A6	TN2
26	220440	Trần Nguyễn Mai	Phương	Nữ	13/11/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Phú An	2025	22	21	7.75	6.80	6.25	20.80	10A6	TN2
27	220447	Phạm Minh	Quân	Nam	07/04/2010	Gia Lai	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	22	23	5.75	2.80	7.00	15.55	10A6	TN2
28	210667	Phạm Ngọc Thùy	Quyên	Nữ	25/03/2010	Kiên Giang	Trường THCS Chánh Phú Hòa	2025	21	22	6.25	3.00	7.00	16.25	10A6	TN2
29	040724	Nguyễn Trần Anh	Sang	Nam	20/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	2025	04	22	7.00	2.80	6.25	16.05	10A6	TN2
30	220473	Nguyễn Chí	Thành	Nam	21/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.60	6.75	17.10	10A6	TN2
31	220483	Nguyễn Ngọc Nhã	Thi	Nữ	30/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.60	5.75	16.10	10A6	TN2
32	220510	Vũ Thị Anh	Thư	Nữ	21/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.75	2.60	5.25	16.60	10A6	TN2
33	040830	Phạm Nhã	Thy	Nữ	18/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Định Hòa	2025	04	22	7.50	2.80	5.85	16.15	10A6	TN2
34	220525	Trương Thị Cẩm	Tiên	Nữ	03/01/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Phú An	2025	22		7.50	4.20	6.50	18.20	10A6	TN2
35	220522	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	02/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.75	2.80	7.25	17.80	10A6	TN2
36	210800	Lưu Thị Bích	Trâm	Nữ	05/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	7.25	4.20	5.85	17.30	10A6	TN2
37	220584	Trương Quang	Tuấn	Nam	09/02/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS An Điền	2025	22	24	5.25	2.60	7.75	15.60	10A6	TN2
38	040945	Nguyễn Thị Phương	Vi	Nữ	08/01/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	7.00	3.40	6.00	16.40	10A6	TN2
39	220603	Lai Thanh	Vy	Nữ	15/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	6.50	7.00	21.50	10A6	TN2
40	220602	Đỗ Ngọc Tường	Vy	Nữ	11/12/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.00	3.20	6.60	16.80	10A6	TN2
41	220607	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	4.00	4.50	16.50	10A6	TN2

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220011	Phạm Văn	An	Nam	11/08/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	8.00	6.50	5.75	20.25	10A7	TN2
2	220019	Hồ Tường	Anh	Nữ	19/02/2010	Long An	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	3.20	4.95	15.65	10A7	TN2
3	040113	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	09/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Định Hòa	2025	04	22	7.25	2.80	5.75	15.80	10A7	TN2
4	220142	Nguyễn Thị Liên	Đa	Nữ	03/02/2010	Vĩnh Long	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	5.50	8.50	21.75	10A7	TN2
5	220101	Nguyễn Ngọc	Danh	Nam	06/07/2010	Bắc Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	4.40	7.50	19.40	10A7	TN2
6	220148	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	17/06/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường ngoại tỉnh	2024	22		5.25	3.80	7.75	16.80	10A7	TN2
7	220107	Phu Thúy	Diễm	Nữ	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.25	7.10	6.10	19.45	10A7	TN2
8	220105	Nguyễn Lê Hồng	Diễm	Nữ	15/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	4.20	7.75	18.95	10A7	TN2
9	220140	Trần Hải	Dương	Nữ	20/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.40	9.00	20.65	10A7	TN2
10	040171	Đình Thùy	Dương	Nữ	28/10/2010	An Giang	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	7.25	3.60	5.10	15.95	10A7	TN2
11	220222	Lê Hoàng	Huy	Nam	28/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.25	3.20	7.25	17.70	10A7	TN2
12	220253	Nguyễn Lê Bảo	Khang	Nam	28/09/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	2025	22	08	5.75	4.80	6.55	17.10	10A7	TN2
13	210331	Nguyễn Tuấn	Khang	Nam	07/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.25	4.30	5.85	16.40	10A7	TN2
14	220258	Nguyễn Lê Quốc	Khánh	Nam	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	5.40	6.00	18.40	10A7	TN2
15	220266	Nguyễn Hoàng	Kiên	Nam	10/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	5.50	3.00	8.00	16.50	10A7	TN2
16	220270	Nguyễn Đình	Kiệt	Nam	03/12/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.80	5.75	16.05	10A7	TN2
17	210436	Trần Phi	Long	Nam	06/11/2010	Phước Thọ	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.00	4.10	6.25	16.35	10A7	TN2
18	220322	Đỗ Như Nhật	Minh	Nam	19/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.50	5.30	6.30	18.10	10A7	TN2
19	220333	Trần Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	30/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	5.75	4.60	5.50	15.85	10A7	TN2
20	220335	Chou Triết	Nam	Nam	24/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	5.75	6.20	4.85	16.80	10A7	TN2
21	220344	Lê Ngọc Tuyết	Ngân	Nữ	23/02/2010	Bến Tre	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	4.40	6.25	17.65	10A7	TN2
22	220361	Nguyễn Huỳnh Như	Ngọc	Nữ	29/01/2010	An Giang	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.75	3.40	7.25	18.40	10A7	TN2
23	220386	Trần Hồng Yến	Nhi	Nữ	16/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	2.80	5.50	15.55	10A7	TN2
24	220397	Đỗ Nguyễn Tuyết	Như	Nữ	23/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.20	5.75	15.45	10A7	TN2
25	210600	Chung Kim	Phát	Nam	21/03/2010	Quảng Nam	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	5.75	3.80	6.60	16.15	10A7	TN2
26	220436	Nguyễn Hoàng	Phước	Nam	21/01/2010	An Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.25	2.40	5.00	16.15	10A7	TN2
27	220453	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	30/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.00	3.30	7.75	19.05	10A7	TN2
28	220456	Trương Hoài	Sang	Nam	26/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	4.30	5.60	17.40	10A7	TN2
29	210685	Ngô Văn	Tài	Nam	21/02/2010	Đắk Nông	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	7.50	2.60	7.15	17.25	10A7	TN2
30	220528	Lê Thanh	Tiến	Nam	27/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.40	5.75	15.65	10A7	TN2
31	220534	Nguyễn Huy	Toàn	Nam	12/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	2.20	6.00	15.45	10A7	TN2
32	040852	Nguyễn Huyền	Trang	Nữ	19/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	04	22	7.25	2.80	6.00	16.05	10A7	TN2
33	220572	Võ Thị Thanh	Trúc	Nữ	31/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	2.60	6.50	15.60	10A7	TN2
34	220577	Nguyễn Ngọc	Tú	Nữ	22/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.50	3.20	6.50	17.20	10A7	TN2
35	040916	Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	19/02/2010	Tuyên Quang	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	6.25	3.20	5.50	15.95	10A7	TN2
36	220606	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	23/07/2009	Bình Phước	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	3.60	7.00	18.10	10A7	TN2
37	220615	Tổng Kim	Vy	Nữ	07/05/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	2.60	7.00	17.10	10A7	TN2
38	040992	Trần Ngọc Vy	Vy	Nữ	05/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	5.75	4.00	6.75	16.50	10A7	TN2
39	220623	Huỳnh Thị Như	Ý	Nữ	26/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.25	6.70	7.00	22.95	10A7	TN2
40	220628	Lương Thị Hoàng	Yến	Nữ	15/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.00	3.20	7.25	17.45	10A7	TN2

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220034	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	Nữ	19/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	2.60	5.50	15.35	10c8	XH1
2	220008	Nguyễn Thị Thanh	An	Nữ	03/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.40	6.75	18.40	10c8	XH1
3	220004	Lê Bảo	An	Nam	04/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	5.50	3.60	8.00	17.10	10c8	XH1
4	220007	Nguyễn Thanh	An	Nam	05/02/2010	Tây Ninh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	5.25	6.30	4.95	16.50	10c8	XH1
5	220054	Võ Ngọc	Anh	Nữ	24/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.50	3.20	6.75	17.45	10c8	XH1
6	220056	Võ Thị Tuyết	Anh	Nữ	13/12/2010	An Giang	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.00	2.60	6.50	17.10	10c8	XH1
7	220053	Trịnh Thị Ngọc	Anh	Nữ	07/06/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Chánh Phú Hòa	2025	22	17	7.75	2.20	6.75	16.70	10c8	XH1
8	220088	Từ Trương Thiên	Cầm	Nữ	05/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.50	6.20	6.10	19.80	10c8	XH1
9	220144	Nguyễn Hữu	Đạt	Nam	15/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.50	5.70	7.00	20.20	10c8	XH1
10	210165	Nguyễn Viết Bình	Dương	Nam	04/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	6.75	5.10	5.50	17.35	10c8	XH1
11	220130	Bùi Thị Mỹ	Duyên	Nữ	11/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.25	2.20	6.50	16.95	10c8	XH1
12	220183	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	18/06/2010	Bình Phước	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	17	7.00	3.00	7.50	17.50	10c8	XH1
13	040240	Vũ Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/06/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	7.25	3.00	6.05	16.30	10c8	XH1
14	210244	Nguyễn Công	Hậu	Nam	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	6.50	3.80	7.25	17.55	10c8	XH1
15	040415	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	09/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Định Hòa	2025	04	22	7.00	3.60	5.35	15.95	10c8	XH1
16	220298	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	26/12/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22		8.00	2.20	7.25	17.45	10c8	XH1
17	220316	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	20/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.40	6.50	16.40	10c8	XH1
18	220341	Lê Thị Hằng	Nga	Nữ	20/04/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.50	3.60	7.25	17.35	10c8	XH1
19	040523	Lữ Trịnh Phương	Nghi	Nữ	27/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	4.50	6.30	5.25	16.05	10c8	XH1
20	220369	Trịnh Nhã	Nguyên	Nữ	01/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	6.50	5.75	19.50	10c8	XH1
21	040582	Dương Yển	Nhi	Nữ	12/04/2010	Ninh Bình	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	7.00	2.80	6.50	16.30	10c8	XH1
22	220403	Nguyễn Linh	Như	Nữ	26/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.25	6.50	7.50	20.25	10c8	XH1
23	220411	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	19/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.25	2.80	6.00	16.05	10c8	XH1
24	220394	Nguyễn Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	27/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.00	3.80	7.25	18.05	10c8	XH1
25	220416	Lê Thị Kiều	Oanh	Nữ	10/08/2010	Long An	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	4.20	6.25	17.95	10c8	XH1
26	220422	Nguyễn Toàn	Phát	Nam	02/12/2010	Lạng Sơn	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	17	7.25	4.00	7.75	19.00	10c8	XH1
27	220430	Nguyễn Minh	Phú	Nam	09/01/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	2.60	7.25	16.85	10c8	XH1
28	220438	Phạm Lê	Phương	Nữ	11/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	8.25	8.00	7.25	23.50	10c8	XH1
29	220468	Nguyễn Minh	Tấn	Nam	12/10/2010	TP. Cần Thơ	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.00	3.00	7.00	17.00	10c8	XH1
30	040763	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	25/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	6.25	3.40	6.50	16.15	10c8	XH1
31	210762	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	01/11/2010	Gia Lai	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.25	4.00	7.00	17.25	10c8	XH1
32	220511	Dương Phạm Bích	Thương	Nữ	15/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.25	3.40	6.25	17.90	10c8	XH1
33	220494	Trần Thị Phương	Thùy	Nữ	07/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	3.80	8.00	18.80	10c8	XH1
34	220495	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	23/08/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.50	3.00	6.50	16.00	10c8	XH1
35	210803	Nguyễn Ngọc Khánh	Trâm	Nữ	08/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	7.00	3.80	5.75	16.55	10c8	XH1
36	220582	Nguyễn	Tuấn	Nam	09/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	5.75	3.60	6.75	16.10	10c8	XH1
37	220589	Trịnh Đình Gia	Tường	Nam	11/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	4.40	5.00	16.90	10c8	XH1
38	220594	Huỳnh Thị Thu	Vân	Nữ	24/04/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	3.40	6.25	16.65	10c8	XH1
39	040940	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	Nữ	15/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	7.50	3.40	5.50	16.40	10c8	XH1
40	220608	Nguyễn Phan Tường	Vy	Nữ	09/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Phú	2025	22	17	7.50	4.20	5.50	17.20	10c8	XH1

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220057	Vũ Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	16/12/2009	Bà Rịa Vũng Tàu	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	17	7.75	4.40	5.90	18.05	10c9	XH1
2	220021	Huỳnh Tuấn	Anh	Nam	24/05/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.25	3.20	6.75	17.20	10c9	XH1
3	210043	Nguyễn Thị Như	Anh	Nữ	24/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	8.75	2.20	6.05	17.00	10c9	XH1
4	210033	Nguyễn Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	19/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	7.00	3.00	6.50	16.50	10c9	XH1
5	220072	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	27/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.50	4.40	7.50	20.40	10c9	XH1
6	220124	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	02/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.00	2.80	6.75	16.55	10c9	XH1
7	220120	Đặng Thúy	Duy	Nữ	07/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	24	7.00	4.00	5.10	16.10	10c9	XH1
8	040230	Phạm Nhật	Hào	Nam	06/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	2025	04	22	6.50	3.20	6.50	16.20	10c9	XH1
9	220213	Hoàng Tuấn	Hùng	Nam	14/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.50	3.40	7.50	19.40	10c9	XH1
10	220218	Đặng Nhật	Huy	Nam	07/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.25	2.60	6.35	16.20	10c9	XH1
11	040306	Trần Đình	Huy	Nam	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Định Hòa	2025	04	22	7.00	3.40	5.65	16.05	10c9	XH1
12	210361	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	19/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	6.25	3.00	7.35	16.60	10c9	XH1
13	040403	Đào Hà	Linh	Nữ	06/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	7.25	4.20	5.00	16.45	10c9	XH1
14	220299	Đỗ Thị Ngọc	Loan	Nữ	13/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	5.30	5.75	18.05	10c9	XH1
15	220311	Danh	Lực	Nam	30/05/2009	Kiên Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.75	2.20	6.50	17.45	10c9	XH1
16	210459	Bùi Tuấn	Minh	Nam	11/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.25	2.60	6.50	16.35	10c9	XH1
17	220346	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	Nữ	13/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	4.80	7.50	19.80	10c9	XH1
18	220366	Danh Phúc	Nguyên	Nam	22/11/2010	Kiên Giang	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.75	3.00	6.50	17.25	10c9	XH1
19	210556	Hoàng Thảo	Nhi	Nữ	30/07/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	8.00	3.00	6.50	17.50	10c9	XH1
20	210636	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	16/02/2010	Đắk Nông	Trường THCS An Điền	2025	21	22	7.00	3.20	6.75	16.95	10c9	XH1
21	220437	Hà Thị Minh	Phương	Nữ	21/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	8.25	3.60	5.60	17.45	10c9	XH1
22	220448	Phạm Bá	Quý	Nam	28/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.25	4.60	7.00	17.85	10c9	XH1
23	220455	Võ Diễm	Quỳnh	Nữ	22/09/2010	Bình Thuận	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.00	7.00	8.00	23.00	10c9	XH1
24	220457	Vũ Hồng	Sang	Nam	08/12/2010	Hưng Yên	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.00	5.80	7.25	20.05	10c9	XH1
25	220458	Nguyễn Cao Thái	Son	Nam	28/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	2.60	6.75	16.85	10c9	XH1
26	220460	Nguyễn Chí	Tài	Nam	29/10/2009	Cà Mau	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.40	6.15	16.05	10c9	XH1
27	220482	Nguyễn Thanh Đắc	Thắng	Nam	24/09/2010	Bến Tre	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.50	2.60	8.00	17.10	10c9	XH1
28	040755	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	14/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	2025	04	22	6.25	3.00	6.75	16.00	10c9	XH1
29	220507	Trần Anh	Thư	Nữ	25/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	8.00	4.60	5.00	17.60	10c9	XH1
30	220501	Lê Nguyễn Anh	Thư	Nữ	03/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	3.40	6.75	17.40	10c9	XH1
31	040808	Trần Thị	Thúy	Nữ	18/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	6.25	3.20	6.50	15.95	10c9	XH1
32	210773	Võ Minh	Tiến	Nam	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.75	3.40	6.75	16.90	10c9	XH1
33	220548	Đồng Nữ Huyền	Trâm	Nữ	02/03/2010	Đồng Nai	Trường THCS An Điền	2025	22	23	8.25	3.80	6.75	18.80	10c9	XH1
34	210806	Phan Bảo	Trâm	Nữ	22/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	7.25	3.60	6.50	17.35	10c9	XH1
35	220574	Hồ Đức	Tú	Nam	25/09/2010	Nghệ An	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.50	5.30	7.25	19.05	10c9	XH1
36	220576	Lê Thị Ngọc	Tú	Nữ	11/09/2010	Hậu Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	4.00	5.85	16.35	10c9	XH1
37	220581	Lê Anh	Tuấn	Nam	14/05/2010	Phú Thọ	Trường THCS Phú An	2025	22	24	5.75	3.40	7.00	17.15	10c9	XH1
38	220583	Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	09/07/2010	TP. Hải Phòng	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.00	3.20	6.55	16.75	10c9	XH1
39	220630	Nguyễn Thuận Hải	Yến	Nữ	15/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.75	3.80	7.00	18.55	10c9	XH1

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220015	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	15/11/2010	Nghệ An	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	3.50	6.50	17.25	10c10	XH1
2	220083	Thòng Tiểu Băng	Băng	Nữ	19/05/2010	Đồng Nai	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22		7.00	4.00	8.00	20.00	10c10	XH1
3	220082	Nguyễn Ngọc Khánh	Băng	Nữ	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.80	5.10	17.15	10c10	XH1
4	220066	Lê Hoàng	Bảo	Nam	13/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.50	5.80	5.75	18.05	10c10	XH1
5	220079	Trần Văn Thiên	Bảo	Nam	11/11/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	4.00	6.25	17.50	10c10	XH1
6	220104	Thạch Ngọc	Dân	Nữ	08/07/2010	Trà Vinh	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.50	3.20	6.50	19.20	10c10	XH1
7	220143	Đỗ Minh	Đạt	Nam	20/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	3.80	8.00	19.30	10c10	XH1
8	220110	Lưu Say	Diệp	Nữ	24/02/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	4.50	6.75	18.75	10c10	XH1
9	210135	Bùi Quang	Dũng	Nam	23/10/2010	Đồng Nai	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	7.25	2.20	8.00	17.45	10c10	XH1
10	210162	Nguyễn	Dương	Nam	28/09/2010	Kiên Giang	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	6.25	3.60	6.50	16.35	10c10	XH1
11	220121	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	24/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.25	3.80	6.00	16.05	10c10	XH1
12	210211	Nguyễn Đình	Hải	Nam	16/06/2010	Nghệ An	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	7.00	3.60	6.80	17.40	10c10	XH1
13	220203	Lê Trung	Hoa	Nữ	30/07/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	3.00	7.25	17.75	10c10	XH1
14	220208	Phạm Vũ	Hoàng	Nam	29/10/2010	Nam Định	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	2.60	6.10	16.20	10c10	XH1
15	220217	Đặng Nhất	Huy	Nam	20/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.50	2.60	5.75	15.85	10c10	XH1
16	220243	Châu Minh	Kha	Nam	21/09/2010	Đồng Nai	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.50	4.40	6.25	17.15	10c10	XH1
17	220261	Thái Hoàng	Khán	Nam	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.00	3.60	6.75	16.35	10c10	XH1
18	220255	Nguyễn Ngọc Duy	Khang	Nam	03/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.25	4.80	6.25	17.30	10c10	XH1
19	210357	Đỗ Hoàng	Khôi	Nam	09/09/2010	Khánh Hòa	Trường THPTCSTHTP Marie Curie	2025	21	22	5.25	4.30	7.25	16.80	10c10	XH1
20	220269	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	08/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.75	3.40	6.75	16.90	10c10	XH1
21	220291	Nguyễn Duy	Linh	Nữ	16/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	2025	22	24	8.50	5.70	7.25	21.45	10c10	XH1
22	220318	Văn Nguyễn Trúc	Mai	Nữ	22/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.40	7.50	17.40	10c10	XH1
23	220319	Phạm Tuấn	Mạnh	Nam	19/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Chánh Phú Hòa	2025	22	23	5.25	5.30	5.50	17.05	10c10	XH1
24	220329	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	16/09/2009	An Giang	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	8.00	3.60	4.60	16.20	10c10	XH1
25	220338	Trần Ngọc Bảo	Nam	Nam	28/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	8.00	3.00	5.55	16.55	10c10	XH1
26	220340	Nguyễn Đồng	Navy	Nữ	20/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.40	6.10	16.00	10c10	XH1
27	220414	Vũ Lê Quỳnh	Như	Nữ	01/12/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.75	4.60	7.50	19.85	10c10	XH1
28	220400	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	30/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.40	6.75	16.90	10c10	XH1
29	220432	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	03/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	5.20	6.00	17.70	10c10	XH1
30	220451	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	14/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.00	2.80	6.25	17.05	10c10	XH1
31	220464	Hồ Thị Thanh	Tâm	Nữ	17/07/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.75	2.80	7.00	16.55	10c10	XH1
32	220480	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	17/10/2010	Gia Lai	Trường THCS Bình Phú	2025	22	23	7.00	3.80	5.25	16.05	10c10	XH1
33	040782	Huỳnh Bảo	Thi	Nữ	25/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	6.50	4.00	6.00	16.50	10c10	XH1
34	220496	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	27/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.50	4.80	5.75	18.05	10c10	XH1
35	220524	Trịnh Thị	Tiên	Nữ	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.75	3.80	8.00	18.55	10c10	XH1
36	220531	Bùi Hà Hoàng	Tín	Nam	12/09/2010	Đồng Nai	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.50	1.80	6.75	16.05	10c10	XH1
37		Nguyễn Dương Hoàng	Tuấn	Nam			Tuyển thẳng								10c10	XH1
38	220591	Lê Kim	Vàng	Nữ	22/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.25	3.00	7.25	16.50	10c10	XH1
39	220604	Lý Kiều	Vy	Nữ	12/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	8.75	6.40	7.50	22.65	10c10	XH1
40	220618	Trương Thị Yến	Vy	Nữ	12/09/2010	Tây Ninh	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.00	3.80	6.00	16.80	10c10	XH1

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	220010	Phạm Nguyễn Nam	An	Nam	27/02/2010	Quảng Bình	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	8.00	2.40	4.95	15.35	10c11	XH2
2	040024	Huỳnh Thị Nhật	Anh	Nữ	14/01/2010	Cà Mau	Trường THCS Định Hòa	2025	04	22	7.25	2.80	5.75	15.80	10c11	XH2
3	220047	Phạm Lan	Anh	Nữ	16/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	2025	22	08	7.00	2.60	6.00	15.60	10c11	XH2
4	040047	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	22/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	7.00	2.20	6.25	15.45	10c11	XH2
5	040088	Đồng Gia	Bảo	Nam	18/08/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	5.25	4.00	6.50	15.75	10c11	XH2
6	040136	Nguyễn Hoàng Anh	Cường	Nam	29/11/2009	Bình Phước	Trường THCS Trần Bình Trọng	2025	04	22	5.75	4.00	6.00	15.75	10c11	XH2
7	220150	Trần Quốc	Đạt	Nam	26/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	4.60	7.50	18.60	10c11	XH2
8	210213	Hà Việt	Hàng	Nam	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	5.50	2.80	6.25	15.55	10c11	XH2
9	220171	Nguyễn Gia	Hào	Nam	18/08/2009	Khánh Hòa	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	7.30	7.00	21.55	10c11	XH2
10	040258	Nguyễn Vũ	Hậu	Nam	27/08/2010	Cà Mau	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	7.75	2.20	5.80	15.75	10c11	XH2
11	220191	Nguyễn Thị Kim	Hiền	Nữ	10/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.25	2.40	6.10	15.75	10c11	XH2
12	220199	Nguyễn Thành	Hiếu	Nam	14/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	6.50	3.60	5.75	15.85	10c11	XH2
13	040299	Nguyễn Phước	Huy	Nam	19/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	2025	04	22	7.00	3.40	5.35	15.75	10c11	XH2
14	220285	Trần Đình Ngọc	Lâm	Nam	05/12/2010	Phú Thọ	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.20	4.75	15.70	10c11	XH2
15	220286	Trần Ngọc Minh	Lâm	Nam	04/04/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	2.40	5.85	15.50	10c11	XH2
16	040410	Huỳnh Hồng	Linh	Nữ	21/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	2025	04	22	7.50	2.80	5.55	15.85	10c11	XH2
17	210413	Trương Gia	Linh	Nữ	14/02/2010	Nghệ An	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.50	3.20	5.75	15.45	10c11	XH2
18	040434	Lê Tấn	Lộc	Nam	27/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	6.50	3.00	6.00	15.50	10c11	XH2
19	220317	Phạm Thị Ngọc	Mai	Nữ	18/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	4.20	5.10	16.05	10c11	XH2
20	040479	Nguyễn Ngọc Thảo	My	Nữ	22/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	7.25	3.60	4.75	15.60	10c11	XH2
21	220345	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	25/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	3.40	6.60	16.75	10c11	XH2
22	220387	Triệu Thị Yến	Nhi	Nữ	16/01/2010	Thái Nguyên	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	2.60	7.50	18.35	10c11	XH2
23	040636	Trần Gia	Như	Nữ	08/12/2008	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	2025	04	22	6.75	3.00	6.00	15.75	10c11	XH2
24	220412	Trần Võ Huỳnh	Như	Nữ	09/07/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	2.40	6.00	15.65	10c11	XH2
25	220402	Nguyễn Lê Uyên	Như	Nữ	26/08/2010	Bình Thuận	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	2.40	6.50	15.40	10c11	XH2
26	210595	Lê Y	Nhưong	Nữ	04/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	7.50	3.80	5.75	17.05	10c11	XH2
27	040653	Trịnh Hồng	Phát	Nam	17/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	2025	04	22	6.00	2.60	7.00	15.60	10c11	XH2
28	210639	Trịnh Hoàng	Phúc	Nam	31/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	6.75	3.30	5.75	15.80	10c11	XH2
29	040716	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	Nữ	09/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	2025	04	22	6.75	2.20	7.50	16.45	10c11	XH2
30	220466	Nguyễn Ngọc	Tâm	Nữ	15/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	2.40	6.50	15.65	10c11	XH2
31	210722	Bùi Văn	Thiện	Nam	04/11/2010	Đồng Nai	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	8.00	1.80	7.25	17.05	10c11	XH2
32	220508	Trần Minh	Thư	Nữ	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	22	17	7.75	2.60	6.00	16.35	10c11	XH2
33	220509	Từ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	27/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	22	23	6.50	3.80	5.25	15.55	10c11	XH2
34	040803	Phạm Hoàng Minh	Thùy	Nữ	23/07/2010	Đồng Nai	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	7.50	2.40	6.00	15.90	10c11	XH2
35	220497	Trần Thị Hồng Anh	Thùy	Nữ	19/02/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.60	5.50	15.60	10c11	XH2
36	220551	Trần Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	19/05/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.00	3.40	5.50	15.90	10c11	XH2
37	220564	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	Nữ	08/02/2009	Thanh Hóa	Trường ngoại tỉnh	0	22	24	7.25	2.80	6.00	16.05	10c11	XH2
38		Trần Thanh	Trung				Tuyển thẳng								10c11	XH2
39	220613	Phạm Ngọc	Vy	Nữ	26/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	7.25	3.00	6.50	16.75	10c11	XH2
40	220624	Lê Ngọc Như	Ý	Nữ	12/06/2009	Đồng Tháp	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22		7.00	3.20	5.50	15.70	10c11	XH2

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT TÂY NAM

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9		NV1	NV2	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	Tên lớp	Ghi chú
							học tại trường	Năm tốt nghiệp								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(18)	(19)	(20)	(21)	(28)	(29)
1	040003	Lê Đỗ Kiều	An	Nữ	08/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	2025	04	22	6.75	4.60	4.75	16.10	10c12	XH2
2	220061	Nguyễn Thị Thu	Ân	Nữ	29/06/2010	Quảng Nam	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.50	3.20	6.25	16.95	10c12	XH2
3	220051	Trần Hoàng	Anh	Nam	27/02/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.00	2.90	5.85	15.75	10c12	XH2
4	220081	Nguyễn Xuân	Bắc	Nam	17/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.00	3.60	6.00	15.60	10c12	XH2
5	040091	Huỳnh Gia	Bảo	Nam	02/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	2025	04	22	6.00	3.80	5.75	15.55	10c12	XH2
6	040122	Nguyễn Phan Bảo	Châu	Nữ	15/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	04	22	7.00	2.00	6.75	15.75	10c12	XH2
7	220098	Trần Huy	Cường	Nam	28/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.25	3.20	6.25	15.70	10c12	XH2
8	220182	Đỗ Ngọc	Hân	Nữ	20/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	4.40	5.50	16.65	10c12	XH2
9	210219	Trần Quốc	Hào	Nam	10/01/2010	An Giang	Trường THCS Thới Hòa	2025	21	22	7.00	3.40	5.75	16.15	10c12	XH2
10	220174	Vũ Thị Ngọc	Hào	Nữ	01/06/2010	Thái Bình	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22		7.00	2.20	6.75	15.95	10c12	XH2
11	220235	Nguyễn Đức Bảo	Hung	Nam	27/01/2010	Nghệ An	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.75	2.40	6.50	15.65	10c12	XH2
12	220220	Hồ Ngọc	Huy	Nam	12/05/2010	Nghệ An	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.75	3.10	6.00	15.85	10c12	XH2
13	220219	Hồ Gia	Huy	Nam	05/01/2010	Gia Lai	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22		6.75	2.60	6.25	15.60	10c12	XH2
14	220228	Hà Ngọc	Huyền	Nữ	31/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	2025	22	24	7.00	2.60	6.30	15.90	10c12	XH2
15	220231	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	26/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	2.80	5.75	15.80	10c12	XH2
16	220271	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	14/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22		6.50	3.00	6.00	15.50	10c12	XH2
17	210390	Nguyễn Ngọc Hoàng	Lâm	Nam	17/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	21	22	6.50	3.40	6.00	15.90	10c12	XH2
18	220281	Bạch Võ Hoàng	Lâm	Nam	17/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.00	4.20	4.50	15.70	10c12	XH2
19	220336	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	11/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22	23	7.00	2.00	6.35	15.35	10c12	XH2
20	210531	Trần Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	28/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	21	22	6.25	2.80	7.50	16.55	10c12	XH2
21	050369	Trần Đình Bảo	Ngọc	Nữ	24/08/2010	Tây Ninh	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	2025	05	22	6.00	3.00	5.75	15.75	10c12	XH2
22		Đỗ	Ngọc				Tuyển thẳng								10c12	XH2
23	220372	Nguyễn Quân	Nhân	Nam	27/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.50	6.60	7.50	20.60	10c12	XH2
24	050396	Hà Nguyễn Song	Nhi	Nữ	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	2025	05	22	7.25	3.60	4.85	15.70	10c12	XH2
25	220441	Võ Thị Hoài	Phương	Nữ	12/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.50	2.60	5.35	15.45	10c12	XH2
26	220471	Nguyễn Hoàng	Thanh	Nam	26/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	2025	22		7.00	2.20	6.25	15.45	10c12	XH2
27	220485	Đặng Quốc	Thịnh	Nam	19/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Định Hòa	2025	22	04	6.75	3.00	5.85	15.60	10c12	XH2
28	220512	Nguyễn Anh	Thương	Nam	22/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.75	2.80	6.25	15.80	10c12	XH2
29	040801	Nguyễn Ngọc Phương	Thùy	Nữ	22/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	2025	04	22	7.50	2.40	5.75	15.65	10c12	XH2
30	220519	Phan Bảo	Thy	Nữ	22/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	2025	22	23	6.50	4.00	6.75	17.25	10c12	XH2
31	220526	Võ Thùy	Tiên	Nữ	17/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.75	4.80	7.25	19.80	10c12	XH2
32	220554	Huỳnh Quế	Trần	Nữ	06/01/2010	An Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	2025	22		7.25	1.80	6.85	15.90	10c12	XH2
33	220541	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	5.50	3.00	7.00	15.50	10c12	XH2
34	220558	Lê Minh	Trí	Nam	03/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	6.75	2.90	7.25	16.90	10c12	XH2
35	220575	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	Nữ	01/03/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	2025	22	24	6.50	3.00	6.00	15.50	10c12	XH2
36	220579	Trần Quang	Tuân	Nam	23/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	2025	22	23	7.25	2.40	5.75	15.40	10c12	XH2
37	220580	Dương Đình	Tuân	Nam	24/04/2010	Quảng Nam	Trường THCS An Điền	2025	22	24	6.25	3.00	6.50	15.75	10c12	XH2
38	220614	Tạ Nhã	Vy	Nữ	07/05/2009	Cà Mau	Trường THCS Bình Phú	2025	22	17	7.75	3.00	6.50	17.25	10c12	XH2
39	040973	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	05/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Hiệp An	2025	04	22	7.50	2.60	5.75	15.85	10c12	XH2
40	050672	Trương Nguyễn Tường	Vy	Nữ	01/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	2025	05	22	7.50	3.40	4.75	15.65	10c12	XH2